

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2369/QĐ-ĐHNN ngày 18 tháng 10 năm 2023)

Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc

Chuyên ngành : Tiếng Trung thương mại

Loại hình đào tạo: Bằng đại học thứ 2 Từ xa

Số học phần: 49/55*

Tổng số TC: 108/120**

Số lượng học kỳ: 05

STT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Khối kiến thức	Học phần đưa vào kế hoạch học tập	Số TC của HK
1	TRU2012	Ngữ âm - văn tự tiếng Trung Quốc	1	Kiến thức Ngôn ngữ	x	20
2	TRU4012	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	1	Thực hành tiếng	x	
3	TRU4022	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	1	Thực hành tiếng	x	
4	TRU4032	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	1	Thực hành tiếng	x	
5	TRU4042	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	1	Thực hành tiếng	x	
6	TRU4052	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5	1	Thực hành tiếng	x	
7	TRU4062	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 6	1	Thực hành tiếng	x	
8	TRU4072	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 7	1	Thực hành tiếng	x	
9	TRU4082	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 8	1	Thực hành tiếng	x	
10	KXH1012	Tiếng Việt thực hành	1	Khoa học xã hội	x	
11	TRU2092	Ngữ pháp Hán Ngữ hiện đại 1	2	Kiến thức Ngôn ngữ	x	22
12	TRU2102	Ngữ pháp Hán Ngữ hiện đại 2	2	Kiến thức Ngôn ngữ	x	
13	TRU4093	Nghe - Nói 1	2	Thực hành tiếng	x	
14	TRU4133	Đọc - Viết 1	2	Thực hành tiếng	x	
15	TRU4103	Nghe - Nói 2	2	Thực hành tiếng	x	
16	TRU4143	Đọc - Viết 2	2	Thực hành tiếng	x	
17	KXP1072	Phương pháp NCKH	2	Khoa học xã hội	x	
18	KNV1022	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	Khoa học nhân văn	x	
19	TRU2022	Từ vựng học tiếng Trung Quốc	2	Kiến thức Ngôn ngữ	x	
20	TRU2122	Văn ứng dụng	3	Kiến thức Ngôn ngữ	x	
21	TRU4113	Nghe - Nói 3	3	Thực hành tiếng	x	

22	TRU4153	Đọc - Viết 3	3	Thực hành tiếng	x	22
23	TRU4123	Nghe - Nói 4	3	Thực hành tiếng	x	
24	TRU4163	Đọc - Viết 4	3	Thực hành tiếng	x	
25	LCT1022	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	Lý luận chính trị	x	
26	KHX1092	Pháp luật đại cương	3	Khoa học Xã hội	x	
27	TRU2112	Ngữ pháp HSK	3	Kiến thức Ngôn ngữ	x	
28	TRU2032	Tiếng Trung Quốc cơ đại	3	(Chọn học 1 trong 2 học		
29	TRU3012	Đất nước học Trung Quốc	3	Văn hóa-Văn học	x	
30	TRU3022	Lịch sử văn học Trung Quốc	4	Văn hóa-Văn học	x	22
31	TRU3032	Trích giảng văn học Trung Quốc	4	Văn hóa-Văn học	x	
32	TRUF212	Hán ngữ thương mại (Nói)	4	Kiến thức chuyên ngành	x	
33	TRUF232	Hán ngữ thương mại (Nghe)	4	Kiến thức chuyên ngành	x	
34	TRUF022	Hán ngữ thương mại (Viết)	4	Kiến thức chuyên ngành	x	
35	TRUF222	Hán ngữ thương mại (Đọc)	4	Kiến thức chuyên ngành	x	
36	TRUF242	Dịch vụ thương mại	4	Kiến thức chuyên ngành	x	
37	TRU3042	Dẫn luận văn hóa Trung Quốc	4	Kiến thức Văn hóa-Văn học	x	
38	TRUA062	Hán Nôm Việt Nam	4	(Chọn học 1 trong 2 học		
39	TRUF122	Khái quát về thương mại đối ngoại Trung Quốc	4	Kiến thức chuyên ngành	x	
40	TRUF142	Tiếng Hán cho công ty và văn phòng	4	(Chọn học 2 trong 4 học	x	
41	TRUF012	Khẩu ngữ thương mại	4	phần)		
42	TRUF032	Đọc-Viết kinh tế thương mại	4			
43	KXH1042	Dẫn luận ngôn ngữ	4	Khoa học xã hội	x	
44	TRUF252	Ngôn ngữ kinh tế đối ngoại tiếng Trung Quốc	5	Kiến thức chuyên ngành	x	
45	TRUF262	Ngôn ngữ văn bản pháp luật tiếng Trung Quốc	5	Kiến thức chuyên ngành	x	
46	TRUF272	Văn hóa giao tiếp thương mại Trung Quốc	5	Kiến thức chuyên ngành	x	
47	TRUF282	Quảng cáo thương mại Trung Quốc	5	(Chọn học 2 trong 4 học	x	
48	TRUF112	Khảo sát trình độ Hán ngữ (HSK) Thương mại	5	phần)		
49	TRUF152	Luật đầu tư Trung Quốc	5			
50	KXT1022	Ngôn ngữ học đối chiếu (Trung)	5	Khoa học xã hội	x	
51	TRUA152	Giao thoa văn hóa	5	Học phần thay thế Thực tập		
52	TRUD173	Kỹ năng dịch Việt Hán	5	Học phần thay thế Thực tập		
53	TRUF182	Đàm phán	5		x	
54	TRUF192	Hán ngữ và văn hóa	5	Học phần thay thế KLTN	x	

55	TRUF203	Thực hành dịch đối chiếu	5		x	22
TỔNG						108

* Số học phần phải tích lũy trên tổng số học phần của chương trình.

** Số tín chỉ tích lũy trên tổng số tín chỉ của chương trình.

HIỆU TRƯỞNG